TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/DS-PT

Ngày: 05/5/2026.

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

ông **Đinh Phước Hòa**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2025/TLPT-DS ngày 09/12/2025 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 861/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị H - sinh năm 1969.

Nơi cư trú: thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ liên hệ: số E đường P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số E đường P, phường N, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H:* ông Đỗ Khánh H1 - sinh năm 1979. Địa chỉ liên hệ: số E đường P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số E đường P, phường N, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Trần M – Luật sư của Công ty L11 chi nhánh K8. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Huỳnh Q - sinh năm 1955.

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh T1 - sinh năm 1953; nơi cư trú: số C K, Edogawa-ku, T, Nhật Bản. Vắng mặt.

2. Bà Biện Thị Thanh T2 - sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

3. Ông Biện Thanh K - sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

4. Bà Biện Thị Thanh K1 - sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố A Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

5. Ông Biện Thanh K2 - sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn B, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

6. Ông Biện Thanh K3 - sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố B Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

7. Bà Biện Thị Thanh K4 - sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt.

8. Bà Biện Thị Thanh K5 - sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

9. Bà Biện Thị Thanh L - sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố A Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

10. Ông Trần N - sinh năm 1955. Vắng mặt.

11. Ông Trần Xuân T3 - sinh năm 1978. Vắng mặt.

12. Bà Trần Thị T4 - sinh năm 1979. Vắng mặt.

13. Ông Trần Văn T5 - sinh năm 1982. Vắng mặt.

14. Ông Trần Xuân T6 - sinh năm 1984. Vắng mặt.

15. Ông Trần Văn N1 - sinh năm 1986. Vắng mặt.

16. Ông Trần Văn B - sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

17. Bà Trần Thị T11 - sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ H, khu phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là tổ H, khu phố H, xã H, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

18. Ông Huỳnh T7 - sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L1 (chết ngày 05/5/2024):

19. Ông Nguyễn Minh T8 - sinh năm 1972. Vắng mặt.

20. Cháu Nguyễn Ngọc Mỹ D - sinh năm 2002. Vắng mặt.

21. Cháu Nguyễn Minh K6 - sinh năm 2005. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố E Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố E Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

22. Bà Trần Thị Kim L2 - sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

23. Bà Trần Thị Kim L3 - sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

24. Bà Trần Thị Như L4 - sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ dân phố G B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố G B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

25. Bà Trần Minh T9 - sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

26. Bà Trần Ngọc T10 - sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

27. Bà Trần Thị Ngọc T11 - sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông, bà theo số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17,18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27: ông Đỗ Khánh H1 - sinh năm 1979.

Địa chỉ liên hệ: số E đường P, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số E đường P, phường N, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

28. Bà Lê Thị P - sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

29. Bà Huỳnh Thị Thu L5 - sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ dân phố I, thôn Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố I Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

30. Bà Huỳnh Thị Kim P1 - sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

31. Bà Huỳnh Thị Kim M1 - sinh năm 1992; nơi cư trú: số C đường G, thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Nơi thường trú: số A K tổ S, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số A K tổ S, phường B, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

32. Bà Huỳnh Thị Kim L6 - sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ dân phố I Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố I Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

33. Ông Huỳnh Thanh N2 - sinh năm 1983. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

34. Bà Phan Thị Thu H2 - sinh năm 1981. Có mặt.

35. Cháu Huỳnh Thanh K7 - sinh năm 2007. Vắng mặt.

36. Cháu Huỳnh Như Tú Y - sinh năm 2014. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

- *Người đại diện theo pháp luật của cháu* Huỳnh Thanh K7 *và cháu* Huỳnh Như Tú Y: bà Phan Thị Thu H2 - sinh năm 1981; địa chỉ: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà theo số thứ tự 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34:* ông Huỳnh Q - sinh năm 1955.

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

37. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa *(người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là* Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

38. Ông Lê S - sinh năm 1961; địa chỉ: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà* Huỳnh Thị H *và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông* Đỗ Khánh H1 *trình bày:*

Năm 1963, cha mẹ bà Huỳnh Thị H là ông Huỳnh T12 (chết năm 2003) và bà Nguyễn Thị C (chết ngày 11/02/2023) mua của vợ chồng ông Huỳnh T13 (Huỳnh Văn T13) và bà Lê Thị A tại xứ đồng S, thôn S, xã N, huyện N (nay là các thửa đất số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 78, 79, 80, 81, 82,

83, 84, 85, 86, 87, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 17.347m^2) theo Mẫu văn tự bán đoạn ruộng đất ngày 24/5/1963, có Lược đồ ruộng của ông Huỳnh Văn T13 kèm theo, được chính quyền địa phương lúc bấy giờ xác nhận.

Cha mẹ bà H quản lý, sử dụng diện tích đất này từ khi mua. Sau khi ông Huỳnh T12 chết thì mẹ và các anh, chị em trong gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này và để cho ông Huỳnh Q làm ruộng muối. Đến năm 2022, ông Huỳnh Q lén lút làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình đối với các thửa đất trên. Biết được sự việc, bà Huỳnh Thị H (được bà Nguyễn Thị C ủy quyền) có đơn ngăn chặn và Ủy ban nhân dân xã N tiến hành hòa giải ngày 16/9/2022 nhưng không thành do ông Huỳnh Q không đồng ý giao đất lại cho mẹ và anh chị em trong gia đình.

Ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C chết không có di chúc. Ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C có 07 người con, gồm:

- Bà Huỳnh Thị L1 (chết ngày 05/5/2024), có chồng là ông Trần Văn L7 (chết năm 2021), có 07 người con: Trần Thị Kim L2, Trần Thị Kim L3, Trần Thị Như L4, Trần Minh T9, Trần Ngọc T10, Trần Thị Ngọc T11 và Trần Thị Mỹ L8 (bà Trần Thị Mỹ L8 chết ngày 28/7/2024, có chồng: Nguyễn Minh T8 và 02 con: Nguyễn Ngọc Mỹ D, Nguyễn Minh K6).

- Ông Huỳnh Trung .

- Bà Huỳnh Thị Q1 (chết năm 2019), có chồng: ông Biện Đ (chết năm 2022), có 08 người con: Biện Thị Thanh T2, Biện Thanh K, Biện Thị Thanh K1, Biện Thanh K2, Biện Thanh K3, Biện Thị Thanh K4, Biện Thị Thanh K5 và Biện Thị Thanh L.

- Ông Huỳnh Q.

- Bà Huỳnh Thị L9 (chết năm 2016), có chồng: ông Trần N và 07 người con: Trần Xuân T3, Trần Thị T4, Trần Văn T5, Trần Xuân T6, Trần Văn N1, Trần Văn B và Trần Thị T11.

- Ông Huỳnh T7.

- Bà Huỳnh Thị H.

Sau khi bà Nguyễn Thị C mất, anh, chị em trong gia đình họp bàn phân chia di sản của cha mẹ là các thửa đất nêu trên nhưng ông Huỳnh Q không đồng ý, muốn chiếm toàn bộ.

Vì vậy, bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia thừa kế của ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C theo pháp luật gồm các thửa đất số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001002/QSDĐ/ND-NH ngày 15/4/1997 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Huỳnh Q và bà Lê Thị P. Các đồng thừa kế đều mong muốn nhận hiện vật.

Ngoài việc quản lý sử dụng đất, gia đình bà Huỳnh Thị H thực hiện chôn cất những người thân trên một phần đất này từ nhiều đời đến nay. Hiện nay, vẫn còn những ngôi mộ trên đất theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án.

** Bị đơn ông Huỳnh Q trình bày:*

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H. Năm 1990, ông nhận chuyển nhượng của ông Phạm Huỳnh N3 15.000m^2 đất (gồm 21 thửa đất) tại tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Đất này có nguồn gốc là đất ruộng lúa do cha mẹ ông là ông Huỳnh T12 (chết năm 2003) và bà Nguyễn Thị C (chết năm 2023) mua từ năm 1964. Sau giải phóng, toàn bộ đất được Nhà nước đưa vào Hợp tác xã quản lý. Đến năm 1988, Hợp tác xã giao toàn bộ các thửa này cho ông Phạm Huỳnh N3. Ông Phạm Huỳnh N3 trồng được hai vụ lúa thì năm 1990 chuyển nhượng lại cho ông, có giấy mua bán viết tay và ông làm từ đó đến nay. Ông có hỏi ông Phạm Huỳnh N3 có giấy tờ về việc Hợp tác xã giao đất không nhưng ông Phạm Huỳnh N3 nói năm 1988 Hợp tác xã giao đất cho ông N3 không có văn bản gì mà ông N3 đến Hợp tác xã ký vào sổ bộ để nhận đất. Ông Nguyễn Văn T14 là Chủ nhiệm Hợp tác xã thời kỳ đó đã xác nhận thửa đất này Hợp tác xã giao cho ông N3.

Các thửa đất bà Huỳnh Thị H đang tranh chấp, từ năm 1990 - 2005, ông trồng lúa. Do đất bị nhiễm mặn, trồng lúa không hiệu quả nên năm 2005, ông chuyển sang làm muối và đã đầu tư cải tạo lại đất để làm muối, tổng chi phí 1.955.000.000đồng (bao gồm san lấp ao, san ủi đất, múc đất, thuê xe chở đất, lót bạt làm muối...). Hiện trạng đất không còn ranh giới các thửa đất mà ông đã cào bằng toàn bộ diện tích đất trên để làm muối (trừ thửa đất nghĩa địa). Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông yêu cầu phải thanh toán lại cho ông khoản tiền trên.

Năm 1997, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64-CP đối với 06 thửa đất số 55, 56, 57, 80, 81, 82, với diện tích hơn 3.700m^2. Đối với 15 thửa đất còn lại và 01 thửa ông khai hoang thêm (đất giáp bờ suối) ông đang đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã V đang làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì bà Huỳnh Thị H tranh chấp nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị tạm dừng.

Từ ngày giải phóng năm 1975 đến nay là 50 năm, cha mẹ ông không còn sử dụng đất. Trong phần đất cha mẹ mua có phần đất cao được dùng làm nơi để chôn những người chết trong dòng họ ông. Ông đã bang một phần đất cao này

(phần trống không có mộ) để làm ruộng muối và có dựng nhà trên đất để trông coi ruộng muối, phần đất còn lại có mộ vẫn để nguyên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà theo số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 trình bày: các ông, bà đồng ý về hàng thừa kế, di sản thừa kế do ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C để lại; đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001002/QSDĐ/ND-NH ngày 15/4/1997 của Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Huỳnh Q và bà Lê Thị P.

- Ông Huỳnh T7 *trình bày:* các thửa đất nguyên đơn tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông là Huỳnh T12 (chết 2003) và bà Nguyễn Thị C (chết 2023) mua của ông Huỳnh T13 (Huỳnh Văn T13) và bà Lê Thị A năm 1963 đúng như theo Mẫu văn tự bán đoạn ruộng đất đề ngày 24/5/1963 và L10 đồ ruộng của ông Huỳnh Văn T13 kèm theo. Ông nghe những người lớn nói lại: sau năm 1975, cha mẹ ông vẫn làm lúa và trồng mía, làm vài năm thì tất cả ruộng đều bị đưa vào Hợp tác xã; ruộng đưa vào Hợp tác xã một thời gian thì được giao lại cho xã viên; ông Huỳnh N3 được nhận một phần ruộng trong số ruộng của cha mẹ ông. Ông được biết ông Huỳnh N3 cũng không làm, gia đình ông cũng không ai làm vì đất chỗ đó bị nhiễm mặn, không làm được.

Đến năm 2000, ông và ông Huỳnh Q mới tới khu ruộng của cha mẹ múc đất chuyển từ ruộng lúa sang nuôi tôm vì đất khu đó bị nhiễm mặn. Ông và ông Huỳnh Q nuôi tôm được 01 vụ thì lỗ 70.000.000đồng, mỗi người 35.000.000đồng. Lúc đó, cha ông vẫn còn sống, cha nói: "Thôi để cho thằng Q làm giữ đất, còn mày (tức là ông) về làm nông (trồng hành, rau cỏ xung quanh nhà); sau này Nhà nước trả lại thì phần đất đó chia cho 04 đứa con gái". Sau đó, ông và ông Q cho ông Q2 (địa chỉ: tổ dân phố P, phường N) và ông N (địa chỉ: tổ dân phố P, phường N) là hai anh em ruột thuê để nuôi tôm, hai người nuôi được 1-2 năm thì họ trả lại. Sau đó, ông Q cải tạo làm ruộng muối đến nay.

Năm 2022, con cháu trong nhà nghe trên đài đọc tin ông Q khai hoang và kê khai cấp sổ nên mới có tranh chấp. Mẹ ông gọi ông Q tới nói ông Q nhận một nửa, cho 04 người con gái một nửa nhưng ông Q không đồng ý. Mẹ ông mới ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H tranh chấp.

Từ nhỏ đến giờ, ông ở chung với cha mẹ tại nhà đất từ đường tại thôn T. Sau khi có gia đình, các anh chị em ông đều ra ở riêng, người muộn nhất là bà Huỳnh Thị H, lấy chồng năm 1989, chỉ có ông lấy vợ (năm 1989) vẫn ở lại cùng cha mẹ. Ông Huỳnh Q lấy vợ và sau đó xây nhà ở riêng, tách hộ khẩu riêng. Gia đình ông (bao gồm cả cha mẹ ông) không được cấp đất theo Nghị định 64-CP (ông hiểu là Nghị định thời đó chia ruộng cho dân làm).

- Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà theo số thứ tự 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 trình bày: Các ông, bà đồng ý với lời trình bày của bị đơn ông Huỳnh Q và không có ý kiến gì bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 221, Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C đối với các thửa đất số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 18.196,2m^2, tọa lạc tại: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Luật sư Trần M bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H cho rằng Luật sư vắng mặt lần đầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Yêu cầu giám định chữ ký của ông Phạm Huỳnh N3 tại Giấy chuyển nhượng đất ngày 01/01/1990. Cấp sơ thẩm không đưa ông Trần T15 - người chuyển nhượng đất cho ông Phạm Huỳnh N3 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng minh có giao đất cho Hợp tác xã. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng: về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các thửa đất tranh chấp của ông Huỳnh T12 đã đưa vào Hợp tác xã, ông T12 không được giao lại, không quản lý, sử dụng đất. Việc nguyên đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của ông Phạm Huỳnh N3 trong Giấy chuyển nhượng nhưng xét thấy việc giám định là không cần thiết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và bị đơn ông Huỳnh Q đều xác nhận nguyên các thửa đất số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 18.196,2m^2 tọa lạc tại: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) là của ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C (cha mẹ của bà Huỳnh Thị H và ông Huỳnh Q) nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Huỳnh T13 (Huỳnh Văn T13) và bà Lê Thị A theo Mẫu văn tự bán đoạn ruộng đất ngày 24/5/1963. Sau năm 1975, ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C đã đưa toàn bộ các thửa đất nêu trên vào Hợp tác xã N4. Sau khi đưa các thửa đất vào Hợp tác xã thì Hợp tác xã đã phân chia lại cho xã viên canh tác, trong đó: ông Phạm Huỳnh N3 được giao quản lý, sản xuất diện tích 7.500m^2 đất và ông Trần T15 được giao quản lý, sản xuất diện tích 7.500m^2 đất. Khi ông Trần T15 xuất cảnh sang Hoa Kỳ thì đã giao diện tích 7.500m^2 đất cho ông Phạm Huỳnh N3 quản lý, sản xuất. Do quá trình sản xuất không hiệu quả nên ngày 01/01/1990, ông Phạm Huỳnh N3 chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 15.000m^2 đất cho bị đơn ông Huỳnh Q. Ông Huỳnh Q tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất này từ năm 1990 cho đến nay.

[1.2] Ngày 15/4/1997, hộ ông Huỳnh Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 55, 56, 57, 80, 81, 82 theo Nghị định 64-CP của Chính phủ. Ngoài ra, thửa đất số 49 là đất nghĩa địa; sổ mục kê đất ngày 20/9/2001 thể hiện: ông Huỳnh Q là chủ sử dụng các thửa đất số 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 80, 81, 82; còn các thửa đất số 48, 58, 59, 78, 79, 83, 84, 85, 86, 87 là "đất không giao được". Xét các thửa đất tranh chấp là đất nông nghiệp, đất sản xuất, không phải đất ở và cũng không còn là di sản thừa kế của ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C theo quy định tại Điều 221 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, việc bà Huỳnh Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế các thửa đất này là không có cơ sở chấp nhận.

[1.3] Đối với Giấy chuyển nhượng đất ngày 01/01/1990 giữa ông Huỳnh Q và ông Phạm Huỳnh N3, diện tích 15.000m^2 đất đã được ông Phạm Huỳnh N3 thừa nhận có sự việc chuyển nhượng này và ông Nguyễn Văn T14 - nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã N4 cũng xác nhận về việc chuyển nhượng đất. Do đó, việc nguyên đơn bà Huỳnh Thị H yêu cầu giám định chữ ký của ông Phạm Huỳnh N3 tại Giấy chuyển nhượng đất ngày 01/01/1990 là không cần thiết. Đồng thời, xét ông Trần T15 cũng không liên quan đến việc tranh chấp này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để đưa ông Trần T15 vào tham gia tố tụng.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C đối với các thửa đất số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 18.196,2m^2 tọa lạc tại tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H cũng như lời trình bày của Luật sư, mà chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: do toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng Điều 221, Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh T12 và bà Nguyễn Thị C đối với các thửa đất số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 18.196,2m^2 đất, tọa lạc tại: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

2. Án phí phúc thẩm: bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000006 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (do ông Nguyễn Lâm T16 nộp thay).

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên